

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS-PT

Ngày: 24-9-2019

V/v Tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hữu Nhân

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Lê Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 03/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2019/QĐ-PT ngày 01/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 126/2019/QĐ-PT ngày 28/8/2019; Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 805/2019/TB-TA ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐĐ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Nguyên Ph, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số xF đường HTPh, phường TTĐĐ, Quận Y, Thành phố HCM.

(*Văn bản ủy quyền lập ngày 29/8/2018*).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐĐ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐĐ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

*(Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2018)*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn x, xã RM, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

Hộ khẩu thường trú: Thôn x, ĐP, xã Đ Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Trọng T, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số x GP, tổ dân phố y, phường TL, thành phố BMT, tỉnh DL.

*(Văn bản ủy quyền lập ngày 20/8/2019).*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đỗ Đức Th, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn x, xã RM, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

Hộ khẩu thường trú: Thôn x, ĐP, xã Đ Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

*Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L.*

(Bà Nh, ông Ph, bà L, ông T, ông Ng, bà Ng có mặt; ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2018 của bà Nh; đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2018 của bà Nh, bà Lưu (dấu công văn đến ngày 07/9/2018) và lời trình bày của các nguyên đơn thì:*

Do là bạn bè nên ngày 06/8/2018, bà Nh và bà H cùng góp số tiền 2.500.000.000đồng cho vợ chồng bà L, ông Th vay số tiền để làm thủ tục đáo hạn khoản nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu ACB – Chi nhánh Đà Lạt – Phòng giao dịch PCT (*Viết tắt là Ngân hàng ACB – PGD PCT, Đà Lạt*). Trong số tiền 2.500.000.000đồng cho vay thì bà Nh có 1.500.000.000đồng, bà H có 440.000.000đồng, còn lại số tiền 560.000.000đồng là của bà Đào Thị Thu Ng gửi cho bà H giữ dùm.

Tại thời điểm cho vay, hai bên có viết giấy vay mượn ghi rõ số tiền cho vay và bà L ký tên xác nhận khoản nợ vay này. Đối với việc trả nợ hai bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau nội dung: Trong trường hợp không có khả năng trả được khoản nợ vay trên thì vợ chồng bà L sẽ sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 diện tích đất tại xã Rô Men, huyện ĐR cho bà Nh và bà H. Nội dung này được các bà thể hiện lại tại phần 02 của giấy vay mượn mà không có sự xác nhận của vợ chồng ông bà L, ông Th.

Sau đó, nguyên đơn đã yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng vay tài sản nhưng bà L không trả tiền và vợ chồng bà L, ông Th đã việc sang nhượng lại diện tích đất tại xã Rô men cho người khác.

Do vậy, bà Nh và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Đức Th, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền vay 2.500.000.000đồng. Trường hợp, vợ chồng ông Th, bà L không trả được khoản tiền vay trên thì ông Th, bà L phải thực hiện nội dung đã cam kết là sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 356145 và BD 356144 do Ủy ban nhân dân huyện ĐR đã cấp sang cho hai bà.

Ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân huyện ĐR ban hành Quyết định số 01/QĐ-CVA chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện LH giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 02/10/2018, Tòa án nhân dân huyện LH thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nh, H yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn vợ chồng ông Đỗ Đức Th, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 1.500.000.000đồng và trả cho bà Trần Thị H số tiền 1.000.000.000đồng.

*Theo bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày thì:*

Bà thừa nhận bà có viết giấy vay mượn của bà Nh và bà H với số tiền 2.500.000.000đồng cũng như thừa nhận chữ ký của mình trên giấy vay mượn ngày 06/8/2018, riêng nội dung tại phần II của giấy này thì bà không thừa nhận.

Trên thực tế, bà không có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 356145 và BD 356144 tọa lạc tại thôn 2, xã Rô Men, huyện ĐR đứng tên vợ chồng là Đỗ Đức Th, bà Nguyễn Thị L để thế chấp vay tiền của bà Nh; bà cũng không có nhận số tiền vay trên từ bà Nh và bà H nên bà không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ông Đỗ Đức Th: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng (*Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải...*) để ông Th trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đưa ra các chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền, lợi ích của mình. Tuy nhiên, ông Th vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Nh, bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện buộc vợ chồng ông Đỗ Đức Th, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà khoản nợ vay 2.500.000.000đồng, trong đó: trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 1.500.000.000đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và trả cho bà Trần Thị H số tiền 1.000.000.000đồng (*Một tỷ đồng*).

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Vũ Trọng T trình bày: Bị đơn bà L không đồng ý đối với nội dung khởi kiện của bà Nh, bà H với các lý do: Tại phần I của giấy vay mượn ngày 06/8/2018 không rõ nội dung: Từ “*L Tháy*” và “*Hồng Hàn*”. Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn cho rằng: “*L Tháy*” và “*Hồng Hàn*” là một chủ thể, bà L không biết ai là L Tháy cũng như Hồng Hàn. Giấy vay tiền không đảm bảo về mặt nội dung và hình thức của Hợp đồng dân sự “*vay tài sản*”, cụ thể: Giấy vay mượn không thể hiện ai là người vay tiền? Vay tiền của ai? Số tiền giao nhận như thế nào? Thời hạn trả nợ? Nghĩa vụ của các bên trong việc trả nợ là như thế nào.

Mặt khác, bị đơn không thừa nhận việc bà L có nhận số tiền vay 2.500.000.000đồng từ bà Nh và bà H. Ngoài ra, trong vụ án có sự tham gia chứng kiến của bà Ng. Song theo lời khai của bà H đối với số tiền 1.000.000.000đồng bà H cho vay thì có 560.000.000đồng là tiền của bà Ng. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có liên quan đến quyền lợi của bà Ng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính công minh, khách quan trong việc sử dụng lời khai của bà Ng làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 03/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Nh, bà Trần Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 1.500.000.000đồng và trả cho bà Trần Thị H số tiền 1.000.000.000đồng.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 82.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 41.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003628 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lỗi suất và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 14/6/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, bà Nh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nh và ông Ph là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như của đương sự là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị Nh, bà Trần Thị H cho rằng có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Đức Th vay số tiền 2.500.000.000đồng. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà L, ông Th chưa trả tiền nên xảy ra tranh chấp.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn x, ĐP, xã Đ Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L thì thấy rằng:

Theo chứng cứ có trong hồ sơ là bản chính giấy vay mượn ngày 06/8/2018 (Bút lục số 53) thể hiện: “*I/ 6/8/2018 L Tháy (Th) có mượn tiền của Hồng Hàn (Hồng Nh) với số tiền là 2500.000.000 Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*” và có chữ ký và cụm từ “Nguyễn Thị L” ở phía dưới nội dung giấy vay mượn tiền.

Theo các nguyên đơn bà H, bà Nh trình bày thì: Do là bạn bè nên ngày 06/8/2018, bà Nh và bà H cùng góp số tiền 2.500.000.000 đồng cho vợ chồng bà L, ông Th vay để vợ chồng bà L, ông Th làm thủ tục đáo hạn khoản nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu ACB – Chi nhánh Đà Lạt – Phòng giao dịch PCT (*Viết tắt là Ngân hàng ACB – PGD PCT, Đà Lạt*). Số tiền vay trên được bà Nh và bà H giao trực tiếp cho bà L bằng tiền mặt tại Ngân hàng ACB – PGD PCT, Đà Lạt để bà L làm thủ tục đáo hạn tại ngân hàng vào cùng thời điểm viết giấy vay mượn. Việc giao nhận tiền giữa hai bên có bà Đào Thị Thu Ng chứng kiến.

[3] Còn theo bị đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng: Cụm từ “*L Tháy*” và “*Hồng Hàn*” là một chủ thể khác và bà không biết ai tên là “L Tháy” cũng như tên là “Hồng Hàn”. Việc giao nhận khoản tiền vay này ở đâu? Được tiến hành như thế nào? Nghĩa vụ của các bên như thế nào trong quan hệ vay mượn không được thể hiện đầy đủ. Bản thân bà L cũng không thừa nhận bà có nhận khoản tiền vay 2.500.000.000 đồng của bà Nh, bà H.

Tuy nhiên, chữ viết của bà L thể hiện tại bản tự khai của bà L (bút lục số 24 và số 25) thì cụm từ “*Lê Thị Nh*” thì bà L viết thiếu chữ “n” ở phía trước chữ “h” nên nhìn giống chữ “*Lê Thị Hàn*”; Đối với cụm từ “*Trần Thị H*” thì bà L viết thiếu chữ “n” ở phía trước chữ “g” và chữ “g” bà L viết rất giống chữ “y” nên nhìn giống chữ “*trần thị hòng*” hay “*trần thị hory*”; Chữ “*đúng*” tại bút lục số 24 bà L viết thiếu nét nhìn giống chữ “*đúy*”.

[4] Mặt khác, theo bản tự khai không ghi ngày của bà Nguyễn Thị L (Bút lục số 25) và biên bản đối chất ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (Bút lục số 37) thì: Bà L cũng thừa nhận tại phần I của giấy vay mượn ngày 06/8/2018 (bản chính bút lục số 53) là do bà L tự viết và ký tên.

Qua xem xét chứng cứ bản tự khai và bản chính giấy mượn tiền thì chữ “*Nh*” bà L viết trong bản tự khai (bút lục số 24) giống với chữ “*Nh*” bà L viết trong bản chính giấy vay mượn ngày 06/8/2018 (bút lục số 53), bà L đều ghi thiếu nét như nhau.

[5] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào Thị Thu Ng là người làm chứng cũng khẳng định nội dung: Vào đầu tháng 8/2018, được bà H rủ đi lên Đà Lạt cùng với bà Nh, bà H để làm thủ tục đáo hạn

tại Ngân hàng ACB – PGD PCT. Tại đây, bà H và bà Nh đã đưa tiền cho bà L để bà L làm thủ tục đáo hạn đối với khoản nợ vay tại Ngân hàng trước đó. Tại phần I của giấy vay mượn được bà L viết tại ngân hàng sau khi nhận tiền với sự có mặt của bà Nh, bà H, bà Ng, bà L mà không có sự tham gia của ông Đỗ Đức Th (là chồng của bà L).

[6] Hơn nữa, theo Biên bản xác minh ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện LH (bút lục số 84) và các tài liệu do Ngân hàng ACB – PGD PCT, Đà Lạt cung cấp (bút lục số 73-83) cũng thể hiện: Ngày 06/8/2018, bà L đã nộp số tiền mặt là 2.500.000.000đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*) vào Ngân hàng để làm thủ tục đáo hạn đối với hợp đồng tín dụng số LDO.DN.317.140817 ký ngày 15/8/2017 giữa Công ty TNHH cà phê Gia Huy Bảo (do bà Nguyễn Thị L – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật) với đại diện Ngân hàng ACB – PGD PCT, Đà Lạt. Như vậy, về mặt thời gian, địa điểm, diễn biến của nội dung sự việc cũng như số tiền 2.500.000.000đồng trùng khớp lời khai của bà H, bà Nh và bà Ng.

Trong tổng số tiền cho bà L vay thì theo nguyên đơn thì các bên góp để cho bà L vay có: 1.500.000.000đồng là của bà Nh. Riêng số tiền 1.000.000.000đồng còn lại, bà H xác nhận trong đó 440.000.000đồng là của bà và số tiền 560.000.000đồng là của bà Ng gửi cho bà. Bà Ng cũng thừa nhận số tiền 560.000.000đồng trên là của bà gửi nhờ bà H giữ dùm, việc xử lý khoản tiền này như thế nào là quan hệ riêng giữa bà Ng với bà H, bản thân bà Ng không có cho vợ chồng Th – L vay tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét quan hệ vay mượn giữa bà Ng với bà H trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi bà Ng có đơn yêu cầu khởi kiện. Do đó, việc bị đơn cho rằng không đưa bà Ng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không cần thiết.

[7] Do bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán xong số nợ trên cho nguyên đơn và cũng không lý giải được việc viết giấy vay mượn ngày 06/8/2018; và cũng không lý giải được việc trùng khớp số tiền và thời gian mà bà L trả tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đà Lạt.

[8] Mặc dù, nội dung tại phần I của giấy vay mượn được bà L xác lập ngày 06/8/2018 (bút lục số 53) không thể hiện cam kết về thời gian phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nhưng căn cứ vào các Điều 463, Khoản 1 Điều 466 và Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thì bên vay có nghĩa vụ phải trả đầy đủ khoản nợ vay khi bên cho vay có yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay mượn ngày 06/8/2018 nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Vì vậy, có cơ sở xác định ngày 06/8/2018, bà L vay số tiền 2.500.000.000 đồng của bà H, bà Nh là có thật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 1.500.000.000đồng và trả cho bà Trần Thị H số tiền 1.000.000.000đồng là có căn cứ. Về lãi suất do các nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Lẽ ra, cần phải buộc

ông Th là chồng bà L cùng có trách nhiệm trả nợ vay số tiền 2.500.000.000đồng cho nguyên đơn, nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên nghĩa vụ trả nợ thuộc về một mình bà L, và sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị về vấn đề này nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 2.500.000.000đồng phải thanh toán cho các nguyên đơn là (2.500.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000đồng) = 82.000.000đồng và do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Nh, bà Trần Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Lê Thị Nh số tiền 1.500.000.000đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và trả cho bà Trần Thị H số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 82.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 41.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003628 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về án phí phúc thẩm:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2016/0001278 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Lâm Hà;
- CCTHADS H. Lâm Hà;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký  
Bùi Hữu Nhân**



